

TRẮC NGHIỆM SINH HỌC 8

I. CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT CƠ THỂ NGƯỜI

Câu 1: Cấu tạo cơ thể người được chia làm mấy phần:

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 2: Đơn vị chức năng của cơ thể là:

- A. Tế bào B. Các nội bào
C. Môi trường trong cơ thể D. Hệ thần kinh

Câu 3: Chất tế bào(Tb) và nhân có chức năng lần lượt là:

- A. Trao đổi chất với môi trường ngoài.
B. Trao đổi chất với môi trường trong cơ thể
C. Điều khiển hoạt động và giúp Tb trao đổi chất
D. Trao đổi chất và điều khiển hoạt động của Tb

Câu 4: Mô biểu bì có đặc điểm chung là:

- A. Xếp xít nhau phủ ngoài cơ thể hoặc lót trong các cơ quan
B. Liên kết các tế bào nằm rải rác trong cơ thể
C. Có khả năng co giãn tạo nên sự vận động.
D. Tiếp nhận kích thích và xử lý thông tin.

Câu 5: Máu thuộc được xếp vào loại mô:

- A. Biểu bì B. Liên kết C. Cơ D. Thần kinh

II. CHƯƠNG II: VẬN ĐỘNG

Câu 6: Xương đầu được chia thành 2 phần là:

- A. Mặt và cổ B. Mặt và não C. Mặt và sọ D. Đầu và cổ

Câu 7: Trong các khớp sau: khớp ngón tay, khớp gối, khớp sọ, khớp đốt sống thắt lưng, khớp khủy tay. Có bao nhiêu khớp thuộc loại khớp động:

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 8: Sụn tăng trưởng có chức năng:

- A. Giúp xương giảm ma sát B. Tạo các mô xương xốp

C. Giúp xương to ra về bề ngang D. Giúp xương dài ra.

Câu 9: Xương trẻ nhỏ khi gãy thì mau liền hơn vì:

- A. Thành phần cốt giao nhiều hơn chất khoáng
- B. Thành phần cốt giao ít hơn chất khoáng
- C. Chưa có thành phần khoáng
- D. Chưa có thành phần cốt giao

III. CHƯƠNG III: TUẦN HOÀN

Câu 10: Môi trường trong của cơ thể gồm:

- A. Nước mô, các tế bào máu, kháng thể.
- B. Máu, nước mô, bạch huyết
- C. Huyết tương, các tế bào máu, kháng thể
- D. Máu, nước mô, bạch cầu

Câu 11: Loại bạch cầu tham gia vào quá trình thực bào là:

- A. Limpho T B. Limpho B C. Trung tính và mono D. Tất cả các ý trên.

Câu 12: Tiêm phòng vacxin giúp con người:

- A. Tạo sự miễn dịch tự nhiên B. Tạo sự miễn dịch nhân tạo
- C. Tạo sự miễn dịch bẩm sinh D. Tất cả các ý A,B,C

Câu 13: Đâu là nhóm máu chuyên cho:

- A. Nhóm O B. Nhóm A C. Nhóm B D. Nhóm AB

Câu 14: Là tế bào không có nhân, lõm 2 mặt giúp cơ thể vận chuyển và trao đổi O_2 , CO_2 :

- A. Bạch cầu B. Tiểu cầu C. Sinh tơ D. Hồng cầu

Câu 15: Máu từ phổi về và tới các cơ quan có màu đỏ tươi là do:

- A. Chứa nhiều cacbonic B. Chứa nhiều oxi
- C. Chứa nhiều axit lactic D. Chứa nhiều dinh dưỡng.

Câu 16: Thành cơ tim dày nhất là:

- A. Thành tâm nhĩ trái B. Thành tâm nhĩ phải
- C. Thành tâm thất trái D. Thành tâm thất phải

IV: CHƯƠNG IV: HÔ HẤP

Câu 17: Các giai đoạn chủ yếu của quá trình hô hấp là:

- A. Sự thở, trao đổi khí ở phổi
- B. Quá trình hít vào và thở ra
- C. Sự trao đổi khí ở phổi và ở tế bào
- D. Sự thở, sự trao đổi khí ở phổi, sự trao đổi khí ở tế bào

Câu 18: Hoạt động hô hấp được thực hiện nhờ sự phối hợp của:

- A. Cơ hoành và cơ liên sườn.
- B. Cơ hoành và cơ bụng.
- C. Cơ liên sườn và cơ bụng.
- D. Cơ liên sườn và cơ họng.

Câu 19: Sự trao đổi khí ở phổi và tế bào diễn ra dựa vào cơ chế:

- A. Khuếch tán từ nơi có nồng độ cao tới nơi có nồng độ thấp
- B. Khuếch tán từ nơi có nồng độ thấp tới nơi có nồng độ cao
- C. Nhờ lực hút và áp suất khi hít vào hay thở ra
- D. Phương án khác.

Câu 20: Điều không phải là tác hại của khói thuốc lá:

- A. Gây ung thư phổi
- B. Gây cản trở hô hấp do bám vào phổi
- C. Gây nghiện
- D. Diệt khuẩn

Câu 21: Hô hấp nhân tạo không áp dụng với trường hợp nào sau đây:

- A. Nạn nhân bị đuối nước
- B. Nạn nhân bị sốt cao
- C. Nạn nhân bị điệt giết
- D. Nạn nhân bị ngạt khí

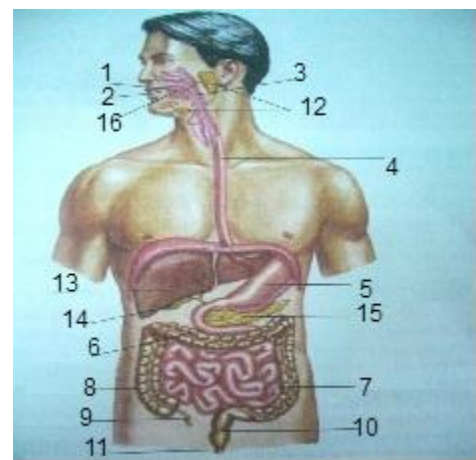
V. CHƯƠNG V: TIÊU HÓA

Câu 22: Quan sát hình bên cho biết vị trí số 5 và 10 là:

- A. Dạ dày, ruột non
- B. Ruột non, trực tràng
- C. Dạ dày, trực tràng
- D. dạ dày, ruột thừa.

Câu 23: Cấu trúc nào dưới đây không thuộc ống tiêu hóa:

- A. Thực quản
- B. Dạ dày
- C. Gan
- D. Ruột thừa



Câu 24: Trong miệng ezim amilaza biến đổi:

- A. Protein thành axit amin
- B. Gluxit(tinh bột) thành đường mantozo
- C. Lipit thành các hạt nhỏ
- D. Axit Nucleic thành các thành phần cấu tạo nhỏ.

Câu 25: Ở miệng, dạ dày và ruột non hoạt động biến đổi thức ăn chủ yếu lần lượt là:

- A. Vật lý; Vật lý; Hóa học
- B. Vật lý, Hóa học; Hóa học
- C. Vật lý, Vật lý; Vật lý
- D. Hóa học; Hóa học; Hóa học

Câu 26: Lipit được hấp thụ vào trong cơ thể chủ yếu theo con đường:

- A. Bài tiết
- B. Hô hấp
- C. Tuần hoàn máu
- D. Tuần hoàn bạch huyết

VI: CHƯƠNG VI: TRAO ĐỔI CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG

Câu 27: Quá trình trao đổi chất của cơ thể với môi trường ngoài nhờ các hệ quan nào:

- A. Hô hấp
- B. Bài tiết
- C. Tiêu hóa
- D. Cả A, B, C.

Câu 28: Dự hóa là quá trình:

- A. Tích trữ năng lượng
- B. Giải phóng năng lượng
- C. Vừa tích trữ vừa giải phóng năng lượng
- D. Tích trữ và giải phóng phụ thuộc vào lứa tuổi.

Câu 29: Vitamin A rất tốt cho mắt có nhiều trong các loại thực phẩm nào:

- A. Bơ, trứng, dầu cá, gấc, cà rốt.
- B. Ngũ cốc, gan, hạt nảy mầm.
- C. Muối biển, lúa gạo, ngô nếp
- D. Thịt lợn, rau ngải, lá tía tô.

Câu 30: Biểu cổ là bệnh do thiếu yếu tố muối khoáng nào:

- A. Natri và kali
- B. Iot
- C. Canxi
- D. Kẽm

Câu 31: Nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể phụ thuộc vào các yếu tố nào sau đây:

- A. Giới tính
- B. Nhóm tuổi

C. Hình thức lao động D. Tất cả các phương án trên.

VII: CHƯƠNG VII: BÀI TIẾT

Câu 32: Hệ bài tiết nước tiểu gồm các cơ quan:

- A. Thận, cầu thận, bóng đái B. Thận, ống thận, bóng đái
C. Thận, bóng đái, ống đái D. Thận, ống dẫn nước tiểu, bóng đái, ống đái.

Câu 33: Cơ quan quan trọng nhất của hệ bài tiết nước tiểu là:

- A. Thận B. Ống dẫn nước tiểu C. Bóng đái D. Ống đái

Câu 34: Cấu tạo của thận gồm:

- A. Phần vỏ, phần tủy, bể thận, ống dẫn nước tiểu
B. Phần vỏ, phần tủy, bể thận
C. Phần vỏ, phần tủy với các đơn vị chức năng, bể thận
D. Phần vỏ, tủy thận với các đơn vị chức năng, ống góp, bể thận.

Câu 35: Mỗi đơn vị chức năng của thận gồm:

- A. Cầu thận và nang cầu thận B. Cầu thận, nang cầu thận và ống thận
C. Cầu thận và ống thận D. Nang cầu thận và ống thận

Câu 36: Quá trình lọc máu diễn ra tại đâu trong đơn vị chức năng của thận:

- A. Ống thận B. Cầu thận C. Nang cầu thận D. Bóng đái

VIII: CHƯƠNG VIII: DA

Câu 37: Lớp mỡ dưới da có vai trò gì:

- A. Chứa mỡ dự trữ và cách nhiệt. B. Giúp da luôn mềm mại.
C. Giúp da không bị thấm nước. D. Cảm thụ xúc giác: nóng, lạnh.

Câu 38: Tầng tiết mồ hôi, lỗ chân lông mở rộng là phản xạ giúp cơ thể:

- A. Tăng nhiệt lượng lên B. Thoát bớt nước ra ngoài
C. Giảm nhiệt lượng xuống D. Tất cả các ý trên

Câu 39: Thời gian tắm nắng phù hợp nhất để da có thể hấp thu vitamin D là:

- A. Từ 8-9 giờ ánh sáng vừa phải B. Buổi trưa ánh sáng mạnh
C. Tắm sau 1h lúc vẫn còn nắng rất D. Lúc đói cơ thể mệt mỏi.

IX: CHƯƠNG IX: THẦN KINH GIÁC QUAN

Câu 40: Hệ thần kinh sinh dưỡng điều hòa hoạt động của các cơ quan:

- A. Hô hấp và cơ bắp B. Vận động C. Dinh dưỡng và sinh sản D.

Liên quan đến cơ vân

Câu 41: Chức năng của tủy sống là:

- A. Trung khu phản xạ (PX) có điều kiện (ĐK)
B. Trung khu phản xạ không điều kiện
C. Chất trắng dẫn truyền, chất xám là trung khu PX có ĐK
D. Chất trắng dẫn truyền, chất xám là trung khu PX không ĐK

Câu 42: Có bao nhiêu đôi dây thần kinh

não:

- A. 11 B. 12 C. 13 D. 14

Câu 43: Đây là phần phát triển và lớn nhất của não bộ:

- A. Đại não B. Tiểu não
C. Não trung gian D. Hành tủy

Câu 44: Phân vùng của cơ quan phân tích thị giác nằm ở:

- A. Thùy thái dương B. Thùy trán
C. Thùy chẩm D. Thùy đỉnh

Câu 45: Cơ quan phân tích gồm mấy bộ phận:

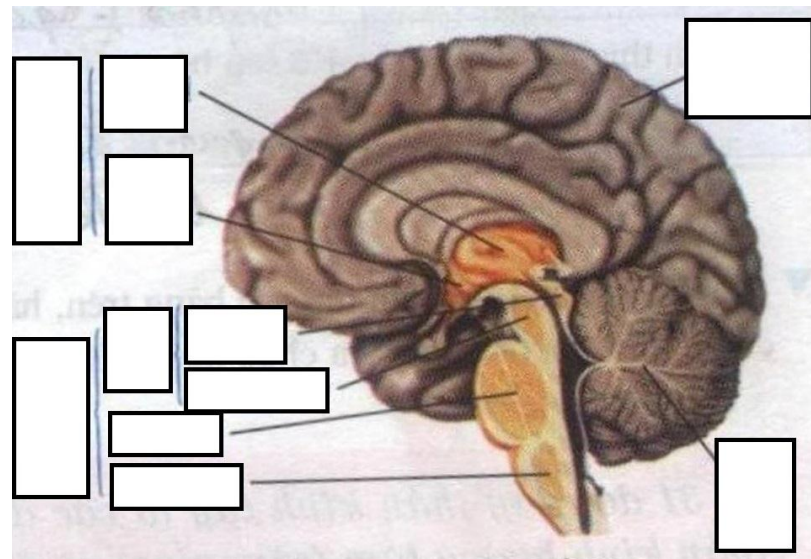
- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 46: Người cận thị thường mang kính có đặc điểm:

- A. Mặt kính dày B. Mặt kính mỏng
C. Mặt kính lõm D. Mặt kính lồi

Câu 47: Quan sát vật rõ nhất khi ảnh của vật rơi vào:

- A. Điểm vàng-trục của cầu mắt B. Điểm mù



C. Xa điểm vàng
D. Không trên trục mắt

Câu 48: Bộ phận thụ cảm của cơ quan thính giác là:

- A. Chuỗi xương tai
B. Ống tai và vành tai
C. Ống bán khuyên
D. Cơ quan coocti

Câu 49: Thí nghiệm của nhà sinh lí học người Nga I.P.Paplop nhằm:

- A. Hình thành phản xạ không điều kiện trên chó
B. Hình thành phản xạ có điều kiện trên chó
C. Kiểm tra tập tính của chó
D. Sử dụng phương pháp nuôi chó có hiệu quả

Câu 50: Đâu không phải tính chất của phản xạ có điều kiện:

- A. Số lượng không hạn định
B. Dễ mất đi khi không củng cố
C. Sinh ra đã có sẵn
D. Mang tính cá thể

X: CHƯƠNG X: NỘI TIẾT

Câu 51: Đâu là tuyến không chỉ đóng vai trò nội tiết:

- A. Tuyến yên
B. Tuyến tụy
C. Tuyến giáp
D. Tuyến trên thận

Câu 52: Hoocmon là sản phẩm của tuyến nội tiết có đặc tính chất:

- A. Tính đặc hiệu
B. Hoạt tính sinh học cao
C. Không đặc trưng cho loài
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 53: Hoocmon estrogen có tác dụng:

- A. Gây những biến đổi cơ thể dậy thì ở nữ
B. Gây những biến đổi cơ thể dậy thì ở nam
C. Chỉ tăng trưởng kích thích cơ thể
D. Kích tố tuyến giáp tiết tiroxin.

Câu 54: Đâu không phải biểu hiện của cơ thể dậy thì ở nam:

- A. Lớn nhanh, cao vượt
B. Mọc lông mu, lông nách
C. Bắt đầu hành kinh
D. Xuất tinh lần đầu

XI: CHƯƠNG XI: SINH SẢN

Câu 55: Có các loại tinh trùng là:

- A. X và Y B. XX và XY C. OX và OY D. O, A, B và AB

Câu 56: Trứng sau khi thụ tinh sẽ làm tổ ở:

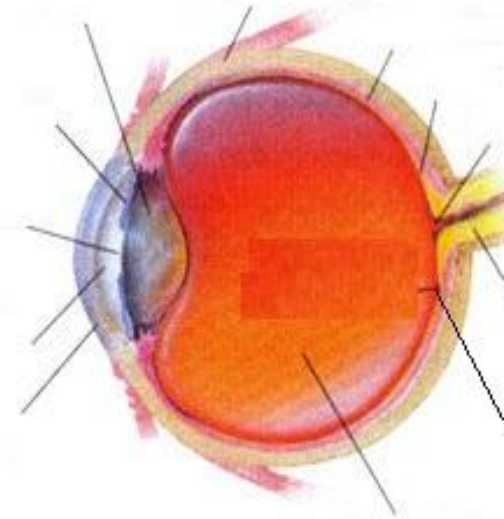
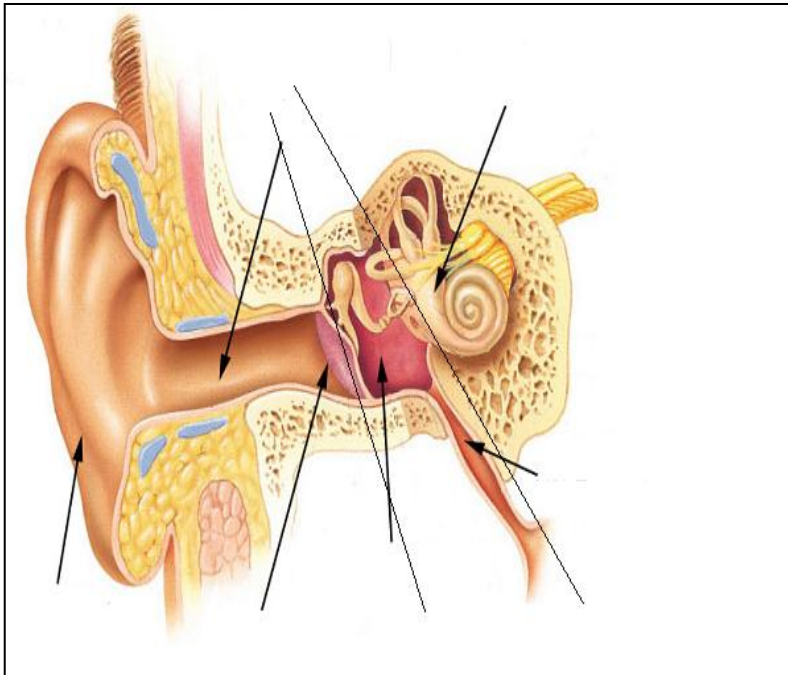
- A. Phễu dẫn trứng B. Buồng trứng C. Tử cung D. Âm đạo

Câu 57: Các bệnh lây qua đường tình dục là:

- A. Sốt phát ban, cảm cúm B. Lậu, giang mai, HIV/AIDS
C. Máu khó đông D. Cận thị và viễn thị

Câu 58: Vì sao ở tuổi vị thành niên không nên mang thai:

- A. Cơ thể chưa phát triển đầy đủ B. Ảnh hưởng đến học tập
C. Con sinh ra yếu, dễ đẻ non D. tất cả các ý trên.



Các hình yêu cầu HS điền chú thích!